

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HC-PT
Ngày 24 tháng 12 năm 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự
Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quang Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 46/2020/TLPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2020/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 351/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số 86 đường A, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Công V, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 14/5/2020; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q: Ông Đặng Phan Tiến D, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

3.2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số 200/10 đường T, thị trấn D, huyện T1, Bình Định (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

3.3. Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1960 (có mặt);

3.4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1963 (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

3.5. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1964 (có mặt);

3.6. Ông Trần Ngọc L1, sinh năm 1966 (có mặt);

3.7. Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 246 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc L1, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị Th1, bà Trần Thị P: Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số 86 đường A, thành phố Q, tỉnh Bình Định (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/5/2020; có mặt).

3.8. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1954 (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

3.9. Chị Trần Thị Gia Th2, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.10. Chị Trần Thị Thùy V1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.11. Anh Trần Huy C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 246 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.12. Anh Trần Anh H1, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Hẻm 186 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Trần Ngọc M (là người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/4/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Trần Ngọc M trình bày:

Cha mẹ ông Trần Ngọc M là cụ Trần Đình H2 (sinh năm 1923, chết năm 2010) và cụ Nguyễn Thị M1 (sinh năm 1927, chết ngày 26/5/2017) có 08 người con, gồm: Ông Trần Văn S (sinh năm 1946, chết năm 2006), bà Trần Thị P, ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc M, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Th, ông Trần Ngọc L1, và bà Trần Thị Th1.

Tài sản của cụ H2 và cụ M1 chết để lại là thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ số 246 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (sau đây viết tắt là thửa đất số 357). Theo Bảng tổng hợp diện tích loại đất (Trích đo) ban hành kèm theo Thông báo thu hồi đất số 220/TB-UBND ngày 13/3/2017 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q về việc thực hiện Dự án xây dựng đường H3 nối dài và các tuyến đường ngang (đường P, đường T2) thuộc phường N1, thành phố Q (sau đây viết tắt là Thông báo thu hồi đất số 220/TB-UBND) thì thửa đất nói trên có diện tích là 244,5 m²; chủ sử dụng ghi tên: “Bà Nguyễn Thị M1”.

Trong quá trình khởi kiện vụ án dân sự về việc phân chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân thành phố Q thì ông M mới biết được Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng công trình đường H3 nối dài trên địa bàn phường N1, thành phố Q (đợt 40) (sau đây viết tắt là Quyết định số 3290/QĐ-UBND) và Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Đình H2 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết), đại diện bà Trần Thị H do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng công trình đường H3 nối dài trên địa bàn phường N1, thành phố Q (đợt 40) (sau đây viết tắt là Quyết định số 3290/QĐ-UBND).

Ông M cho rằng, việc UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định ban hành 02 quyết định hành chính nói trên là không đúng quy định, bởi lẽ: Hiện nay, việc tranh chấp phần nhà đất của cha mẹ ông chết để lại tại số 246 đường N vẫn được chưa giải quyết xong. Diện tích đất các anh em trong gia đình đang tranh chấp với bà L2 bao gồm phần diện tích còn lại sau khi thu hồi $(67,5\text{m}^2 - 43,1\text{m}^2) = 24,4\text{m}^2$ và một phần diện tích trong diện tích thu hồi theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND là $5,8\text{m}^2$. Theo Quyết định số 3291/QĐ-UBND, diện tích bị thu hồi theo số liệu thực tế là $47,6\text{m}^2$ nhưng diện tích bị thu hồi theo quyết định là $38,5\text{m}^2$, sai lệch $9,1\text{m}^2$ dẫn đến việc chi trả tiền bồi thường cho hộ gia đình bà Lê Thị L2 đối với diện tích sai lệch nói trên là sai đối tượng. Theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND, diện tích sử dụng hợp pháp của hộ gia đình bà Lê Thị L2 là 34m^2 nhưng diện tích bị thu hồi theo quyết định nói trên là $43,1\text{m}^2$, sai lệch $9,1\text{m}^2$ dẫn đến việc chi trả tiền bồi thường sai đối tượng (hộ gia đình bà L2 là người thụ hưởng) và đồng thời quyết định nói trên tự ý chuyển $24,4\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 357 mà gia đình ông đang tranh chấp với bà L2 giao cho bà L2 là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông là cụ H2 và cụ M1 (đều đã chết).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M xác định:

- Giá trị bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi $5,8\text{m}^2$ là 153.120.000 đồng và hiện nay Hội đồng bồi thường đã chuyển số tiền nói trên gửi tại Kho bạc Nhà nước.
- Theo bảng tính giá trị bồi thường, phần diện tích còn lại $(9,1\text{m}^2 - 5,8\text{m}^2) = 3,3\text{m}^2$ là phần đất nằm ngoài hồ sơ kỹ thuật thửa đất, ông M không có ý kiến.
- Về giá trị bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND, Quyết định số 3291/QĐ-UBND và số tiền và đất tái định cư hộ gia đình bà L2 đã nhận, ông M thống nhất và không có ý kiến gì.

2. Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Q:

Về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án Công trình đường H3 nối dài được thực hiện theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/07/2015 của UBND tỉnh Bình Định “Về việc ban

hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh”; Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định “Về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh”; Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định “Về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định”. Việc bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

a) Về việc thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ đối với hộ bà Lê Thị L2:

- Về nguồn gốc đất, theo xác nhận của UBND phường N1 tại Văn bản số 17/UBND-ND ngày 31/01/2018 đối với hộ ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2: Do cụ Trần Đình H2 nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Trần Điền ngày 17/6/1970 với diện tích là $12\text{ m} \times 43\text{ m} = 516\text{ m}^2$, đến khoảng năm 1976 cụ Trần Đình H2 cho vợ chồng bà Lê Thị L2 một phần nhà và đất (giấy tờ thất lạc). Ngày 12/8/1997, vợ chồng cụ H2 có giấy xác nhận là đã cho vợ chồng bà Lê Thị L2 một căn nhà với diện tích 34 m^2 (chỉ còn giấy xác nhận photo). Ngày 26/6/2002, vợ chồng bà L2 có giấy xác nhận nhà đất với nội dung được cha mẹ cho nhà và đất vào năm 1976 với diện tích là 90 m^2 nhưng do mở rộng đường N nên diện tích còn lại 65 m^2 (phần nhà ở 46 m^2) được UBND phường N1 xác nhận (biên lai thuê nhà đất ngày 05/5/1993 với diện tích đất phải nộp 90 m^2) thuộc một phần thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14 (vì đo đạc Hồ sơ kỹ thuật năm 1997 đo luôn phần đất và nhà bà L2). Diện tích thu hồi là $43,1\text{ m}^2$ trong đó có $(30,2\text{ m}^2 - 24,4\text{ m}^2) = 5,8\text{ m}^2$ là phần diện tích có nhà ở bà L2 (tường rào xây dựng sau quy hoạch đường Trần Thị Kỷ được UBND tỉnh Bình Định duyệt ngày 19/11/2002) và $34,1\text{ m}^2$ là phần diện tích nhà và đất hộ bà L2 đang sử dụng; phần diện tích còn $24,4\text{ m}^2$ đang tranh chấp với ông Trần Ngọc M.

- Về phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố Q phê duyệt tại Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 22/5/2018. Theo đó, hộ ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 486, tờ bản đồ số 5 (đo đạc năm 2017), diện tích thửa đất là $67,5\text{ m}^2$, bị thu hồi $43,1\text{ m}^2$, còn lại $24,4\text{ m}^2$; phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ cụ thể như sau:

+ Bồi thường về đất: Phần đất đang tranh chấp với ông Trần Ngọc M (nằm trong phạm vi thu hồi đất): Bồi thường đất ở hình thành trước 15/10/1993, đơn giá đất mặt tiền đường N $24.000.000\text{ đồng/m}^2 \times$ diện tích $5,8\text{ m}^2 \times$ hệ số lô đất góc 1,1 = $153.120.000\text{ đồng}$; bồi thường đất ở diện tích $34,2\text{ m}^2 \times 24.000.000\text{ đ/m}^2 \times$ hệ số lô đất góc 1,1 = $902.880.000\text{ đồng}$; không bồi thường đất do Nhà nước quản lý đối với diện tích $3,1\text{ m}^2$.

+ Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa: Trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 5 (đo đạc năm 2017), hộ bà L2 được bồi thường hết phần nhà (N5) với diện tích $46,89\text{ m}^2$ (trong đó ảnh hưởng kết cấu diện tích $13,5\text{ m}^2$); nhà bếp (N9) với diện tích $10,59\text{ m}^2$ (trong đó ảnh hưởng kết cấu diện tích $9,3\text{ m}^2$). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà là $165.344.196\text{ đồng}$.

+ Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc: Tường rào xây gạch, lưới B40 với giá trị 918.045 đồng;

+ Bồi thường cây trồng với giá trị 325.000 đồng.

+ Các khoản hỗ trợ khác với giá trị là 16.500.000 đồng. Trong đó, bồi thường về di chuyển lùi tài sản đối với nhà N5 bị giải tỏa một phần: $50\% \times 3.000.000$ đồng = 1.500.000 đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với hộ có nhà ở bị giải tỏa một phần: 2.500.000 đồng/tháng \times 4 tháng = 10.000.000 đồng; thưởng để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đối với nhà N5 trong vòng 20 ngày: 5.000.000 đồng.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 là 1.239.087.241 đồng (trong đó, phần giá trị không tranh chấp là 1.085.967.241 đồng; phần giá trị đang tranh chấp với ông Trần Ngọc M hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước là 153.120.000 đồng).

- Thu hồi đất: UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3290/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2. Theo đó đã thu hồi diện tích đất 43,1 m², thuộc diện giải tỏa 01 phần đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14, diện tích đất là 232,72 m² (theo bản đồ đo đạc năm 1997), nay thuộc thửa đất số 486, tờ bản đồ số 5, diện tích đất là 67,5 m² (theo bản đồ đo đạc do Công ty cổ phần Tài nguyên Môi trường Phước Thịnh lập) tại phường N1, thành phố Q.

Hiện tại, hộ bà L2 đã tháo dỡ 01 gian nhà giao trả mặt bằng cho Nhà nước, tuy nhiên vẫn còn 01 phần diện tích nhà chưa giao trả đúng chỉ giới thu hồi đất (góc cua đường Trần Thị Kỷ và N, nằm trên vỉa hè) do bị tranh chấp trong quá trình tháo dỡ, cải tạo lại nhà.

- Giao đất tái định cư: UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 10087/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 về việc giao lô đất tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 để xây dựng nhà ở do bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng. Theo đó, đã giao cho hộ lô đất số 39 khu U (lô góc), diện tích 83,3 m², thuộc khu quy hoạch dân cư Đảo 1B Bắc sông HT, phường Đ; tiền sử dụng đất phải nộp là 1.155.480.000 đồng. Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã phối hợp với các đơn vị giao đất tái định cư cho hộ bà L2; hiện tại bà Lê Thị L2 đã xây dựng nhà và ổn định cuộc sống.

- Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q đã phối hợp với UBND phường N1 tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà L2 với số tiền 1.080.967.241 đồng. Phần tiền thưởng đẩy nhanh tiến độ 5.000.000 đồng không chi cho hộ vì thực hiện công tác giao trả mặt bằng chưa đúng thời gian theo quy định.

b) Về việc thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ đối với hộ gia đình cụ Trần Đình H2 (chết) và cụ Nguyễn Thị M1 (chết), đại diện là bà Trần Thị H:

Về nguồn gốc đất, theo xác nhận của UBND phường N1 tại Văn bản số 17/UBND-NĐ ngày 31/01/2018 đối với hộ cụ Trần Đình H2 (chết) và cụ Nguyễn

Thị M1 (chết), bà Trần Thị H đại diện kê khai như sau:

Theo bản đồ đo đạc năm 1997, thửa đất có số hiệu là 357, tờ bản đồ số 14, diện tích 232,72 m². Đo đạc năm 2017, thửa đất có số hiệu là 357, tờ bản đồ số 5, diện tích 115,5 m², thu hồi 38,5 m², còn lại 77,0 m². Nguồn gốc đất là do cụ Trần Đình H2 nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Trần Điền ngày 17/6/1970 thuộc một phần thửa đất 357, tờ bản đồ số 14.

Diện tích thu hồi là 38,5 m², trong đó có 0,92 m x 9,06 m = 8,335 m² nằm ngoài hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 1997 (tường rào xây dựng sau quy hoạch đường Trần Thị Kỷ được UBND tỉnh Bình Định duyệt ngày 19/11/2002); diện tích thu hồi còn lại (38,5 m² - 8,335 m²) = 30,165 m² là diện tích nhà và đất. Nguyên nhân diện tích giảm giữa đo đạc thực tế và hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 1997 là do đã cho các con một phần nhà và đất.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ: Hộ cụ Trần Đình H2 và cụ Nguyễn Thị M1 (đều đã chết), đại diện kê khai: Trần Thị H được UBND thành phố Q phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 22/5/2018. Theo đó, hộ sử dụng thửa đất số 357, tờ bản đồ 5, diện tích 115,5 m², thu hồi 38,5 m² (bồi thường đất ở 30,165 m² và không bồi thường đất lân do Nhà nước quản lý 8,335 m²), còn lại 77,0 m². Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 423.004.535 đồng.

- Thu hồi đất: UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3291/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Đình H2 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết), đại diện bà Trần Thị H, địa chỉ: Tổ 5, khu vực 8, phường N1, thành phố Q...”. Theo đó, thu hồi diện tích 38,5 m² đất, thuộc diện giải tỏa 01 phần đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14, diện tích đất là 232,72 m² (theo bản đồ đo đạc năm 1997), nay thuộc thửa đất số 357, tờ bản đồ số 5, diện tích đất là 115,5 m² (theo bản đồ đo đạc do Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Phước Thịnh lập) tại phường N1, thành phố Q.

Từ những căn cứ nói trên, Quyết định số 3290/QĐ-UBND và Quyết định số 3291/QĐ-UBND được ban hành đúng quy định pháp luật; việc ông Trần Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 02 Quyết định nói trên là không có cơ sở; UBND thành phố Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ quan tham gia tố tụng cùng với người khởi kiện (gồm: Bà Trần Thị P, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Th, ông Trần Ngọc L1, và bà Trần Thị Th1): Điều thống nhất với các ý kiến, yêu cầu của người khởi kiện ông Trần Ngọc M.

3.2. Bà Lê Thị L2, chị Trần Thị Gia Th2, anh Trần Anh H1, chị Trần Thị Thùy V1 và anh Trần Huy C thống nhất trình bày:

Vợ chồng bà Lê Thị L2 và ông Trần Văn S (chết) có 04 người con là Trần Thị Gia Th2, Trần Anh H1, Trần Thị Thùy V1 và Trần Huy C.

Thực hiện dự án Công trình đường H3 nối dài, hộ gia đình bà L2 bị ảnh

hưởng thu hồi diện tích đất là 43,1 m² thuộc thửa đất số 486, tờ bản đồ số 5 tại số nhà 246 N, thành phố Q (hồ sơ thửa đất do Ban giải phóng mặt bằng lập); phần diện tích còn lại 24,4 m² hiện nay hộ gia đình bà L2 vẫn đang tiếp tục sử dụng (Theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND).

Giá trị bồi thường được phê duyệt theo diện tích bị thu hồi nói trên là 1.239.087.241 đồng, hộ gia đình bà L2 đã nhận số tiền là 1.085.967.241 đồng; còn lại 153.120.000 đồng hiện nay Ban giải phóng mặt bằng đang gửi tại Kho bạc Nhà nước do ông Trần Ngọc M có tranh chấp với hộ gia đình bà L2. Ngoài ra, hộ gia đình bà L2 còn được giao 01 lô đất tái định cư tại khu vực Bắc Sông HT có thu tiền sử dụng đất là 1.155.480.000 đồng; hiện nay gia đình đã xây dựng nhà ở ổn định trên phần đất tái định cư và chưa nộp tiền sử dụng đất vì Nhà nước có chủ trương cho nợ tiền sử dụng đất và cho nộp nhiều lần.

Bà L2 và các con bà L2 đều xác định thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi nói trên có nguồn gốc là của cha mẹ ông Trần Văn S (cụ H2 và cụ M1) cho vợ chồng bà L2, ông S vào năm 1976; vợ chồng bà L2 đã quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay. Do đó, bà Lê Thị L2 và các con không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M. Đối với số tiền 153.120.000 đồng đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước, hộ gia đình bà L2 yêu cầu được nhận sau khi xét xử xong vụ án hành chính này; đối với Quyết định số 3291/QĐ-UBND, hộ gia đình bà L2 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3.3. Người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q trình bày: Thống nhất như nội dung ý kiến của UBND thành phố Q. Quyết định số 3290/QĐ-UBND và Quyết định số 3291/QĐ-UBND được ban hành đúng quy định pháp luật. Do đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2020/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ vào Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Đình H2 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết), đại diện bà Trần Thị H do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng công trình đường H3 nối dài trên địa bàn phường N1, thành phố Q (đợt 40)

do thời hiệu khởi kiện đã hết.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng công trình đường H3 nối dài trên địa bàn phường N1, thành phố Q (đợt 40).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo:

Ngày 21/9/2020, người khởi kiện là ông Trần Ngọc M có đơn kháng cáo và ngày 24/9/2020 có đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, vì cho rằng:

- Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q gia đình ông chưa được tổng đạt hợp pháp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ do phía người bị kiện đưa ra để xác định hết thời hiệu là không khách quan; mặt khác, tại Quyết định số 3291/QĐ-UBND, UBND thành phố Q chi trả tiền đền bù không đúng người và còn thu hồi thêm 24,4 m² đất của cụ H2 và cụ M1 (đều đã chết) giao cho bà L2 sử dụng là không đúng.

- Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q đã xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế hàng thứ nhất của cụ H2, cụ M1 đối với diện tích 33,5 m² đất. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, toàn diện nên đã bác yêu cầu của ông hủy Quyết định này là không đúng pháp luật.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Trần Ngọc M giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng có người vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; do đó, việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q do thời hiệu khởi kiện đã hết là không đúng quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính và hướng dẫn tại Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Bởi vì Quyết định số 3291/QĐ-UBND nêu trên mặc dù đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng có liên quan trực tiếp đến Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q.

- Đối với Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q, diện tích đất tại Quyết định này đang có tranh chấp giữa các anh chị em trong gia đình. Tuy nhiên, UBND thành phố Q đã xác định và bồi thường cho hộ bà L2 là chưa đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác.

Do Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thẩm định tại chỗ; không xem xét kỹ lưỡng sự mâu thuẫn nêu trên lại bác đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc M là không đúng, cấp phúc thẩm không thực hiện bổ sung được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm để giải quyết lại cho đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với yêu cầu của ông Trần Ngọc M về việc hủy Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2...” (sau đây viết tắt là Quyết định số 3290/QĐ-UBND):

[1.1] Tại Điều 1 Quyết định số 3290/QĐ-UBND có nội dung: “*Thu hồi diện tích đất là: 43,10 m² của hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2, thường trú tại: Nhà số 246 N, phường N1, thành phố Q, thuộc diện giải tỏa một phần đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14, diện tích đất là 232,72 m² (theo bản đồ đo đạc năm 1997), nay thuộc thửa đất số: 486, tờ bản đồ số 5, diện tích đất là: 67,5 m² (theo bản đồ đo đạc do Công ty cổ phần Tài nguyên Môi trường Phước Thịnh lập) tại phường N1, thành phố Q*”.

[1.2] Theo hồ sơ thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất của các hộ có khiếu kiện do phía người bị kiện giao nộp thể hiện: Tại Bảng tổng hợp diện tích loại đất (Trích đo) kèm theo Thông báo thu hồi đất số 220/TB-UBND ngày 13/3/2017 của UBND thành phố Q không có thửa đất số 486 mà chỉ thể hiện có thửa đất số 357, tờ bản đồ cũ số 14 (tờ bản đồ mới là số 5), diện tích 244,5m², loại

đất ODT, diện tích thu hồi 92,4 m², diện tích còn lại 152,1 m², đại diện chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn Thị M1 (bút lục 365, 366). Đồng thời, tại Bảng tự khai đất đai, nhà cửa đề ngày 27/3/2017 do anh Trần Anh H1 (đại diện hộ ông S, bà L2) kê khai và tại Biên bản kiểm kê tổng hợp của Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (BTGPMB) lập ngày 27/7/2017 cũng thể hiện gia đình hộ ông S, bà L2 sử dụng thửa đất số 357, tờ bản đồ số 5, diện tích 244,5 m², diện tích thu hồi 92,4 m² (tuy nhiên, tại Biên bản kiểm kê tổng hợp lập ngày 27/7/2017, phần ghi diện tích 244,5 m² và diện tích thu hồi 92,4 m² bị gạch đi - thay vào đó là diện tích 67,5 m², diện tích thu hồi 43,1 m²). Sau đó, tại các hồ sơ thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất của các hộ có khiếu kiện thì Hội đồng BTGPMB đã thực hiện việc tách riêng ra thành hai hộ, cụ thể: Tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đối với chủ hộ cụ Nguyễn Thị M1 thể hiện hộ gia đình sử dụng thửa đất số 357, tờ bản đồ số 5, diện tích 115,5 m², diện tích thu hồi 38,5 m², diện tích còn lại 77 m²; tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đối với chủ hộ bà Lê Thị L2 thể hiện hộ gia đình sử dụng thửa đất số 846, tờ bản đồ số 5, diện tích 67,5 m², diện tích thu hồi 43,1 m², diện tích còn lại 24,4 m².

[1.3] Tại Văn bản số 17/UBND-NĐ ngày 31/01/2018 của UBND phường N1 “Về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất...” thể hiện: Ngày 17/6/1970, cụ Trần Đình H2 nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông Trần Diễm với diện tích là 12 m x 43 m = 516 m², đến khoảng năm 1976 cụ Trần Đình H2 cho vợ chồng bà Lê Thị L2 một phần nhà và đất (giấy tờ thất lạc). Ngày 12/8/1997, vợ chồng cụ H2 có giấy xác nhận là đã cho vợ chồng bà Lê Thị L2 một căn nhà với diện tích 34 m² (chỉ còn giấy xác nhận photo). Ngày 26/6/2002, vợ chồng bà L2 có giấy xác nhận nhà đất với nội dung được cha mẹ cho nhà và đất vào năm 1976 với diện tích là 90 m² nhưng do mở rộng đường N nên diện tích còn lại 65 m² (phần nhà ở 46 m²) được UBND phường N1 xác nhận (biên lai thuế nhà đất ngày 05/5/1993 với diện tích đất phải nộp 90 m²) thuộc một phần thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14 (vì đo đạc Hồ sơ kỹ thuật năm 1997 đo luôn phần đất và nhà bà L2). Diện tích thu hồi là 43,1 m² trong đó có (30,2 m² - 24,4 m²) = 5,8 m² là phần diện tích có nhà ở bà L2 (tường rào xây dựng sau quy hoạch đường Trần Thị Kỷ được UBND tỉnh Bình Định duyệt ngày 19/11/2002) và 34,1 m² là phần diện tích nhà và đất hộ bà L2 đang sử dụng; phần diện tích còn 24,4 m² đang tranh chấp với ông Trần Ngọc M.

[1.4] Tại thời điểm UBND thành phố Q ban hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án đường H3 nối dài trên địa bàn phường N1, thành phố Q, pháp luật về đất đai có một số quy định như sau:

Tại Luật Đất đai năm 2013 có quy định:

“Điều 75. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê

đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này...;

Điều 101. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất

...2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...”.

Tại Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định “Về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định” có quy định:

“Điều 18. Bồi thường đối với đất nhận chuyển nhượng hoặc đất do ông bà, cha mẹ, anh, chị, em ruột cho nhưng chưa thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Hộ gia đình, cá nhân nhận đất chuyển nhượng sử dụng hợp pháp của người khác hoặc đất của ông bà, cha mẹ, anh, chị, em ruột (đất sử dụng hợp pháp) cho trước thời điểm công bố quy hoạch ít nhất 12 tháng, có thực hiện thủ tục về chuyển quyền sử dụng đất theo quy định thì được tách hồ sơ để bồi thường, hỗ trợ cho người nhận đất chuyển nhượng của người khác hoặc người được cho đất nếu các thành viên trong hộ của người đứng tên trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất không tranh chấp và được UBND cấp xã xác nhận không có tranh chấp, trừ trường hợp vi phạm Điều 191 Luật Đất đai.

Điều 20. Xử lý bồi thường đất trong trường hợp có nhiều người đồng quyền sử dụng đất

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất mà không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cụ thể thì Nhà nước chỉ trả tiền bồi thường cho đại diện được những người đồng quyền sử dụng đất ủy quyền. Việc phân chia tiền bồi thường cho các thành viên đang đồng quyền sử dụng đất do những người đồng quyền sử dụng đất tự thỏa thuận (không có tranh chấp).

Trường hợp các thành viên đang đồng quyền sử dụng đất không thỏa thuận được hoặc không thống nhất cử người ủy quyền để nhận tiền bồi thường đất thì

việc phân chia tiền bồi thường đất cho những người đồng quyền sử dụng theo kết quả hòa giải của UBND cấp xã hoặc quyết định của Tòa án (nếu có) ”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và các quy định của pháp luật nêu trên, có đủ căn cứ xác định:

Tại thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất số 220/TB-UBND ngày 13/3/2017, hộ ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 chưa có văn bản, giấy tờ nào của cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai xác định quyền sử dụng thửa đất riêng của gia đình, mà chỉ có căn cứ xác định thửa đất của hộ ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 được cha mẹ tặng cho (nhưng còn đang có tranh chấp về diện tích) nằm trong thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14 (đại diện chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn Thị M1) chưa được thực hiện thủ tục tách thửa cho hộ ông S, bà L2 theo quy định của pháp luật.

Việc Hội đồng BTGPMB đã thực hiện việc tách riêng ra thành thửa đất số 846, tờ bản đồ số 5, diện tích 67,5 m²; trong đó, chỉ có 34 m² đất được UBND phường N1 xác nhận (tại mục [1.3] nêu trên) và được các thành viên trong gia đình cụ M1 thừa nhận là cụ H2 và cụ M1 đã tặng cho vợ chồng ông S bà L2, không có tranh chấp. Diện tích đất không có tranh chấp này, UBND thành phố Q đã phê duyệt bồi thường cho hộ ông S (chết) và bà L2 34,2 m² đất nhưng ông M và những người con của cụ M1 đều không có ý kiến gì. Do đó, có đủ căn cứ xác định phần diện tích còn lại của thửa đất số 846 (33,3 m²), trong đó có 3,1 m² đất do Nhà nước quản lý (đã được thu hồi, không bồi thường và các đương sự không có ý kiến gì) thì còn có 5,8 m² đất đã được thu hồi, bồi thường (nhưng tiền bồi thường đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước) và 24,4 m² đất chưa bị thu hồi hiện các thành viên trong gia đình cụ H2, cụ M1 đang có tranh chấp với hộ ông S bà L2 và vẫn chưa được tách ra khỏi thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14 theo đúng quy định của pháp luật.

Lẽ ra, sau khi phát hiện sự việc tranh chấp nêu trên, Hội đồng BTGPMB cần phải kiểm tra, xác định lại phần diện tích đất hộ ông S, bà L2 thực tế sử dụng, không có tranh chấp (34,2 m²) làm căn cứ ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông S, bà L2. Đối với phần diện tích đất thu hồi trong diện tích 30,2 m² đất có tranh chấp (5,8 m² đất thu hồi + 24,4 m² đất không bị thu hồi) và phần diện tích 3,1 m² đất do Nhà nước quản lý bị thu hồi cần được xác định là một phần của thửa đất số 357 đại diện chủ sử dụng vẫn là cụ Nguyễn Thị M1 nên phải ban hành một quyết định thu hồi riêng, nhưng số tiền bồi thường hỗ trợ về đất đối với phần diện tích 5,8 m² đất này cần được gửi vào Kho bạc nhà nước để các bên giải quyết xong tranh chấp thì thực hiện việc chi trả theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, UBND thành phố Q lại căn cứ vào việc xác định của Hội đồng BTGPMB về diện tích của thửa đất số 846, tờ bản đồ số 5, diện tích 67,5 m² (trong đó bao gồm cả diện tích đang tranh chấp) để ban hành quyết định số 3290/QĐ-UBND với nội dung: ***“Thu hồi diện tích đất là: 43,10 m² của hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2,... nay thuộc thửa đất số: 486, tờ bản đồ số 5, diện tích đất là: 67,5***

m^2 ” là thiếu chính xác, gây nên cách hiểu hộ gia đình ông S, bà L2 đã được sử dụng hợp pháp toàn bộ thửa đất số 486, diện tích 67,5 m^2 (trong khi thửa đất này có một phần diện tích đang có tranh chấp), gây khó khăn cho những người có liên quan trong việc khởi kiện, giải quyết tranh chấp sau này.

Khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá khách quan, toàn diện nội dung yêu cầu khởi kiện và các tình tiết có liên quan của vụ án, đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M yêu cầu hủy Quyết định số 3290/QĐ-UBND là không đúng pháp luật. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 1 Điều 193 và điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Ngọc M, sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định này và yêu cầu UBND thành phố Q xem xét, ban hành quyết định khác để khắc phục sai sót; đồng thời, điều chỉnh lại “Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q đối với các nội dung có liên quan đến phần diện tích đất có tranh chấp nêu trên của hộ ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 cho đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Đình H2 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết)...” (sau đây viết tắt là Quyết định số 3291/QĐ-UBND):

[2.1] Tại Điều 1 Quyết định số 3291/QĐ-UBND có nội dung: “*Thu hồi diện tích đất là: 38,5 m^2 của hộ gia đình ông Trần Đình H2 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết), đại diện bà Trần Thị H, thường trú tại: Tổ 5 khu vực 8, phường N1, thành phố Q, thuộc diện giải tỏa một phần đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số 14, diện tích đất là 232,72 m^2 (theo bản đồ đo đạc năm 1997), nay thuộc thửa đất số: 357, tờ bản đồ số 5, diện tích đất là: 115,5 m^2 (theo bản đồ đo đạc do Công ty cổ phần Tài nguyên Môi trường Phước Thịnh lập) tại phường N1, thành phố Q*”.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp thì thấy: Ngày 03/8/2018, ông M đã nhận được Quyết định số 3291/QĐ-UBND. Không đồng ý với nội dung Quyết định này, ông M khiếu nại và đã được UBND thành phố Q giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 11200/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 (Tại Điều 3 Quyết định này có nội dung trường hợp ông M không đồng ý thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền). Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật TTHC thì ngày 25/3/2020 ông M mới khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND là đã quá thời hiệu 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính và hướng dẫn tại Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì trong vụ án này, nội dung Quyết định số 3291/QĐ-UBND có liên quan chặt chẽ với nội dung của Quyết định số 3290/QĐ-UBND nên Tòa án vẫn có quyền xem xét tính hợp pháp của các quyết định này mà không phụ thuộc vào thời hiệu còn hay hết.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xem xét nội

dung Quyết định số 3291/QĐ-UBND thì thấy: Tại Quyết định này, UBND thành phố Q đã quyết định thu hồi 38,5 m² của hộ gia đình ông Trần Đình H2 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết) tại thửa đất số 357 có đại diện chủ sử dụng là cụ Nguyễn Thị M1 đối với phần diện tích đất còn lại sau khi đã tặng cho ông Trần Văn S, bà Lê Thị L2 và không bao gồm diện tích đất đang có tranh chấp là đúng pháp luật. Đối với phần diện tích đất hiện đang có tranh chấp với hộ bà Lê Thị L2, theo kết quả nhận định tại mục [1.4] nêu trên thì sau khi nhận được bản án này, UBND thành phố Q sẽ ban hành một quyết định khác về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho đại diện hộ gia đình cụ Trần Đình H2 (chết) và cụ Nguyễn Thị M1 (chết), (người đại diện do các thành viên trong gia đình thỏa thuận cử). Việc giải quyết tranh chấp đối với diện tích đất có tranh chấp, các bên có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2.4] Với các nội dung phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã phát biểu tại phiên tòa yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết, xét xử sơ thẩm lại vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 và điểm b khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính thì việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được bổ sung đầy đủ tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định Quyết định số 3291/QĐ-UBND được UBND thành phố Q ban hành đúng pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Ngọc M yêu cầu hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND mà quyết định sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND của UBND thành phố Q.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 62, 66, 75, 82, 101, 166, 167, 168, 204 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 6, 13, 15, 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 4, 5, 12, 18, 20 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2020/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, cụ thể:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Q “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Đình H2 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết), đại diện bà Trần Thị H do ảnh hưởng GPMB công trình: đường H3 nối dài, trên địa bàn phường N1, thành phố Q (đợt 40)”, do yêu cầu này không có căn cứ pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M:

2.1. Hủy Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Q “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 do ảnh hưởng GPMB công trình: đường H3 nối dài, trên địa bàn phường N1, thành phố Q (đợt 40)”.

2.2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, căn cứ vào xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường N1 tại Văn bản số 17/UBND-NĐ ngày 31/01/2018, ban hành:

- Quyết định về việc thu hồi **34,2 m²** đất của hộ gia đình cụ Trần Đình H2 (chết) và cụ Nguyễn Thị M1 (chết) đã tặng cho ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 không có tranh chấp, thuộc diện giải tỏa một phần đối với thửa đất số **357**, tờ bản đồ số **14**, diện tích đất là **232,72 m²** (theo bản đồ đo đạc năm 1997), nay thuộc một phần thửa đất số: **486**, tờ bản đồ số **5**, diện tích đất là: **67,5 m²** (theo bản đồ đo đạc do Công ty cổ phần Tài nguyên Môi trường Phước Thịnh lập) tại phường N1, thành phố Q;

- Quyết định về việc thu hồi **8,9 m²** đất (**3,1 m²** đất do Nhà nước quản lý + **5,8 m²** có nhà ở bà L2 đang có tranh chấp) của hộ gia đình cụ Trần Đình H2 (chết) và cụ Nguyễn Thị M1 (chết); hộ gia đình ông Trần Văn S (chết) và bà Lê Thị L2 quản lý, sử dụng nhưng đang có tranh chấp, thuộc diện giải tỏa một phần đối với thửa đất số **357**, tờ bản đồ số **14**, diện tích đất là **232,72 m²** (theo bản đồ đo đạc năm 1997), nay thuộc một phần thửa đất số: **486**, tờ bản đồ số **5**, diện tích đất là: **67,5 m²** (theo bản đồ đo đạc do Công ty cổ phần Tài nguyên Môi trường Phước Thịnh lập) tại phường N1, thành phố Q.

- Rà soát và điều chỉnh lại “Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND thành phố Q đối với các nội dung có liên quan đến phần diện tích đất có tranh chấp nêu trên cho đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; trả lại cho ông Trần Ngọc M 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003815 ngày 06/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Ngọc M không phải chịu; trả lại cho ông Trần Ngọc M 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003893 ngày 28/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/12/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền